

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/5/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Trung Văn.

+ Bà Phan Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020; thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 12/3/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Hồng T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã H (trước đây là xã H1), huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn C, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã H (trước đây là xã H1), huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019, bản tự khai đề ngày 10/12/2019 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Thị Hồng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây đã phát sinh mâu thuẫn, chồng chị không còn yêu thương vợ con và còn chơi cờ bạc. Vì vậy, vợ chồng chị đã sống ly thân 02 năm nay. Chị thấy không thể tiếp tục chung sống cũng như duy trì quan hệ hôn nhân với anh C nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Phan L, sinh ngày 23/10/2009. Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2019, bị đơn anh Phan Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh dần dần phát sinh mâu thuẫn do anh thường xa nhà, không còn chăm lo gia đình, vợ con. Vợ chồng anh đã sống ly thân 02 năm nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

- Về con chung: Anh C không yêu cầu được nuôi con chung và anh có nguyện vọng hàng tháng anh cấp dưỡng nuôi cháu L 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu L tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành hòa giải. Anh C có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, anh C vắng mặt nhưng ngày 24/12/2019 đã có “đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt”, anh C xin giữ nguyên các ý kiến của mình đã nêu tại trong văn bản trình bày ý kiến tại Tòa. Chị T giữ nguyên yêu cầu về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn, về con chung chị yêu cầu được nuôi cháu L và yêu cầu anh C cấp dưỡng cho cháu L 2.000.000 đồng/tháng, về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các điều 28, 35, 39, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Lý Thị Hồng T đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Phan Văn C chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phan L, sinh ngày 23/10/2009 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: chị T và anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo về việc hoãn phiên tòa hợp lệ, đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn anh Phan Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Lý Thị Hồng T và anh Phan Văn C kết hôn tự nguyện, hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng chị T, anh C đã xảy ra mâu thuẫn. Chị T và anh C đã không chung sống với nhau 02 (hai) năm nay. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị T và anh C không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, và các bên đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Phan L, sinh ngày 23/10/2009. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Anh C không yêu cầu được nuôi con chung và anh có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi cháu L 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L tròn 18 (mười tám) tuổi. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 04/12/2019 thì cháu Phan L có nguyện vọng được ở với chị T.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L; anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 06/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc nguyên đơn chị Lý Thị Hồng T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn, bị đơn anh Phan Văn C phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Hồng T được ly hôn anh Phan Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan L, sinh ngày 23/10/2009 cho chị Lý Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phan Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan L 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng mỗi tháng) kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2018/0002075 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. (Chị T đã nộp đủ án phí DSST).

Anh Phan Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Lý Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phan Văn C có quyền

kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Khánh